

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BẮC GIANG

**BIỂU THU PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

| TT | Tên thủ tục hành chính | Loại và mức thu | | Văn bản ban hành mức thu | | Ghi chú |
|----|---|--|---|---|--------|---------|
| | | Phí (đồng/hồ sơ; hoặc % tình phí...) | Lệ phí (đồng/hồ sơ; hoặc % tình phí...) | Phí | Lệ phí | |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ | 3.000.000 | | Điều 3, Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/20216 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. | | |
| 2 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | 1.000.000 | | Điều 3, Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/20216 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ | | |



| | | | | | | |
|---|---|-------------------------------------|---------|---|--|--|
| 3 | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | Từ 1.000.000 đến 2.000.000 | | Điều 3, Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/20216 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. | | Đối với từ trường hợp thay đổi, bổ sung nội dung |
| | Trường hợp 1: Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động | 2.000.000 | | | | |
| | Trường hợp 2: Thay đổi địa chỉ trụ sở; thay đổi vốn | 1.500.000 | | | | |
| | Trường hợp 3: Thay đổi khác | 1.000.000 | | | | |
| 4 | Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | 3.000.000 | | Điều 3, Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/20216 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. | | |
| 5 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp | | 250.000 | | Quy định tại Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp (theo mục 1.11 trong Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp) | |

| | | | | | | |
|---|--|---|--|---|--|--|
| 6 | Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | 1.000.000 | | Điều 3, Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/20216 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. | | |
| 7 | <p>Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ</p> <p><i>Trường hợp 1:</i> Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động</p> <p><i>Trường hợp 2:</i> Thay đổi địa chỉ trụ sở; thay đổi vốn</p> <p><i>Trường hợp 3:</i> Thay đổi khác</p> | <p>Từ 1.00.000 đến 2.000.00 đồng</p> <p>2.000.000</p> <p>1.500.000</p> <p>1.000.000</p> | | Điều 3, Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/20216 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. | | Đối với từ trường hợp thay đổi, bổ sung nội dung |

IC
IE
ANG

| | | | | | |
|---|---|-----------------------------|--|--|--|
| 8 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) ¹ | Từ 5.000.000 đến 10.000.000 | | Điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ | <p>Bằng 0.1% tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Trường hợp 1: Hợp đồng chuyển giao có giá trị 15.000.000.000đ Số tiền phí là: 15.000.000.000 x 0,1% = 15.000.000đ (Phí phải nộp là 10 triệu đồng)</p> <p>Trường hợp 2: Hợp đồng chuyển giao có giá trị</p> |
|---|---|-----------------------------|--|--|--|

¹ Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

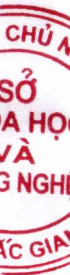
| | | | | | | |
|---|--|---|--|--|--|---|
| | | | | | | <p>1.500.000.000đ Số tiền phí là: 1.500.000.000 x 0,1% = 1.500.000đ (Phí phải nộp là: 3 triệu đồng)</p> |
| 9 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)²</p> | <p>Từ 3.000.000 đến 5.000.000</p> | | <p>Điểm b, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ</p> | | <p>Bằng 0.1% tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.</p> <p>Ví dụ: Trường hợp 1: Hợp đồng sửa đổi, bổ sung có giá trị 15.000.000.000đ Số tiền phí là: 15.000.000.000 x 0,1% = 15.000.000đ</p> |

² Được thay thế theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

| | | | | | | |
|----|---|--|---------|--|--|--|
| | | | | | | <p>(Phí phải nộp là 5 triệu đồng) Trường hợp 2: Hợp đồng sửa đổi, bổ sung có giá trị 1.500.000.000đ Số tiền phí là: 1.500.000.000 x 0,1% = 1.500.000đ (Phí phải nộp là: 3 triệu đồng)</p> |
| 10 | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận | | 150.000 | Điều 4. Mức thu lệ phí tại Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 8/11/2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy do Bộ trưởng Bộ Tài chính | | |
| 11 | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh | | 150.000 | | | |
| 12 | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi | | 150.000 | | | |



| | | | | | | |
|----|--|-----------------------------|---------|--|--|----------------------------|
| | trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | | | | | |
| 13 | Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | | 150.000 | | | |
| 14 | Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế). | | 200.000 | | Điều 4 Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | |
| 15 | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, cụ thể như sau: | Từ 2.000.000 đến 16.000.000 | | Điều 4 Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong | | Đối với từng loại thiết bị |



| | | | | | |
|----|---|---------------------|--|--|----------------------------|
| | Đối với thiết bị: X-quang chụp răng; X-quang chụp vú; X-quang di động | 2.000.000 | | lĩnh vực năng lượng nguyên tử | |
| | Đối với thiết bị: X-quang chẩn đoán thông thường; x-quang đo mật độ xương | 3.000.000 | | | |
| | Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình | 5.000.000 | | | |
| | Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT-Scanner) | 8.000.000 | | | |
| | Hệ thiết bị Pet/CT | 16.000.000 | | | |
| 16 | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, cụ thể như sau: | 75% mức thu cấp mới | | Điều 4 Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | Đối với từng loại thiết bị |
| | Đối với thiết bị: X-quang chụp răng; X-quang chụp vú; X-quang di động | 1.500.000 | | | |
| | Đối với thiết bị: X-quang chẩn đoán thông thường; x-quang đo mật độ | 2.250.000 | | | |



| | | | | | |
|----|---|-------------------|--|--|--|
| | <i>xương</i> | | | | |
| | <i>Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình</i> | <i>3.750.000</i> | | | |
| | <i>Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT-Scanner)</i> | <i>6.000.000</i> | | | |
| | <i>Hệ thiết bị Pet/CT</i> | <i>12.000.000</i> | | | |
| 17 | Phê duyệt đối với Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở | 500.000 | | Điều 4 Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | |

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình